

Số...~~86~~.../2016/TB-VFG
V/v: Báo cáo tài chính năm 2015 đã
được kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**
Mã chứng khoán: **VFG**
Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: 08. 3822 8097
Fax: 08. 3829 0457
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Ngọc Dung
Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại di động: 0913 609 549
Fax: 08. 3829 0457

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/03/2016 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền công bố thông tin


NGUYỄN NGỌC DUNG
Kế Toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 41

92
CỘ
CH
KIẾ
D
T

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ghi chú</i>
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/4/2015
Ông Trần Văn Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/4/2015
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/4/2015
Ông Tô Đức Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/4/2015

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

178
-GT
EM HỮ
TOI/
P. K
116 C

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG CÔNG CỨ

Số: 16.102/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi: **Các Cổ đông****CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM****Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Ở đây chúng tôi không phủ nhận ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến mục 13 trong phần thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đến việc Công ty đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Công ty vào một công ty khác.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

**KT: TÔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TÔNG GIÁM ĐỐC**



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN HOÀNG VY THẢO

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1727-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		957.407.040.070	951.627.618.064
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	167.945.742.218	113.004.782.955
1. Tiền	111		87.945.742.218	43.004.782.955
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	80.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	80.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.687.508.945	392.573.907.308
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	375.140.409.214	429.247.851.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.674.722.308	1.030.340.500
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	13.679.461.969	19.162.425.783
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(50.819.734.404)	(56.866.710.854)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		12.649.858	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.6)	445.778.967.307	363.624.706.991
1. Hàng tồn kho	141		445.778.967.307	370.585.950.741
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(6.961.243.750)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.994.821.600	2.424.220.810
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.10)	2.444.621.826	2.266.376.895
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		134.401.602	145.197.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.12)	1.415.798.172	12.645.926
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.227.372.188	338.049.238.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.215.326.278	780.089.247
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	1.215.326.278	780.089.247
II. Tài sản cố định	220		95.878.257.950	104.268.876.132
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	33.787.581.827	41.522.597.512
+ Nguyên giá	222		116.551.016.716	115.180.162.326
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.763.434.889)	(73.657.564.814)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(5.8)	62.090.676.123	62.746.278.620
+ Nguyên giá	228		67.607.362.216	67.337.362.216
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.516.686.093)	(4.591.083.596)
III. Bất động sản đầu tư	230	(5.9)	43.794.806.304	32.103.883.083
+ Nguyên giá	231		55.387.207.325	42.360.278.761
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		(11.592.401.021)	(10.256.395.678)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.557.333.324
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.557.333.324
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	194.463.114.098	194.312.964.098
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.091.090.000)	(1.241.240.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.875.867.558	5.026.092.304
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	2.875.867.558	5.026.092.304
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.295.634.412.258	1.289.676.856.252

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		586.414.765.099	676.565.301.587
I. Nợ ngắn hạn	310		549.547.961.407	639.790.255.095
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.11)	357.876.521.012	392.336.853.740
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.196.340.518	443.969.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.12)	22.374.545.290	13.595.187.301
4. Phải trả người lao động	314	(5.13)	26.026.004.459	38.578.960.567
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.14)	22.794.108.403	46.260.135.330
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.15)	119.280.441.725	130.978.728.093
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	17.596.420.745
II. Nợ dài hạn	330		36.866.803.692	36.775.046.492
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.15)	36.866.803.692	36.775.046.492
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		709.219.647.159	613.111.554.665
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16)	709.219.647.159	613.111.554.665
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		176.854.360.000	132.827.530.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		176.854.360.000	132.827.530.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26.763.978.592	70.731.808.592
3. Cổ phiếu quỹ	415		(761.100.000)	(702.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		231.545.895.350	246.777.191.829
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		25.818.269.911	27.552.225.851
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		248.998.243.306	135.924.898.393
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		127.432.633.830	81.608.127.002
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		121.565.609.476	54.316.771.391
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.295.634.412.258	1.289.676.856.252

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG



NGUYỄN NGỌC DUNG



TRƯƠNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	2.106.532.053.027	1.894.521.951.458
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.2)	86.556.720.636	11.175.694.005
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.019.975.332.391	1.883.346.257.453
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.3)	1.488.288.123.731	1.385.784.666.935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		531.687.208.660	497.561.590.518
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.4)	17.638.370.376	12.967.682.480
7. Chi phí tài chính	22	(6.5)	16.969.450.695	807.960.532
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.280.641.875	6.580.210.953
8. Chi phí bán hàng	25	(6.6)	294.794.319.766	276.224.599.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.7)	58.361.753.745	81.298.761.140
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		179.200.054.830	152.197.952.260
11. Thu nhập khác	31		5.941.137.895	3.923.586.346
12. Chi phí khác	32		5.450.924.576	8.384.054.917
13. Lợi nhuận khác	40		490.213.319	(4.460.468.571)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		179.690.268.149	147.737.483.690
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.8)	40.513.332.674	46.195.507.163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		139.176.935.475	101.541.976.527
18. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	(5.16.4)	8.362	6.096

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯỞNG CÔNG CỨ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.179.377.529.441	1.913.409.972.317
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.279.277.750.373)	(1.223.250.306.476)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(212.812.060.127)	(152.264.963.594)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.280.641.875)	(6.580.210.953)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(42.828.935.806)	(68.562.597.904)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		322.208.845.504	491.346.234.268
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(955.511.068.899)	(774.162.976.553)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.875.917.865	179.935.151.105
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.762.704.073)	(42.356.478.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.003.995.420	223.695.628
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(210.000.000.000)	(80.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		290.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(495.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16.048.885.701
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.271.376.213	11.893.450.462
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		86.512.667.560	(94.685.446.625)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.1)	645.105.328.620	784.348.673.108
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.2)	(645.105.328.620)	(864.891.571.514)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37.505.478.925)	(33.796.730.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37.505.478.925)	(114.339.629.306)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		54.883.106.500	(29.089.924.826)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		113.004.782.955	142.094.118.629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.852.763	589.152
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		167.945.742.218	113.004.782.955

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC DUNG

TRƯƠNG CÔNG CỨ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 176.854.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Nhà máy Công ty được đặt tại Số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.241 (31/12/2014: 1.115).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty TNHH Hải Yến	Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa		Xem thêm mục 13	
Công ty CP Thương Mại Nông Nghiệp Sông Mê Kông	Số 161, Quốc lộ 30, Phường Phú Mỹ, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	40,92%	40,92%	40,92%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Số 147, Đường Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 292, Đường 2/9 Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Chi nhánh Nha Trang	Số 7, Đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Đak Lak	Số 170, Đường Chu Văn An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Cần Thơ	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh An Giang	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
Chi nhánh Kiên Giang	Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Long An	Quốc lộ 62, Ấp 1, Xã Tân Lập, Huyện Mộc Hóa, Tỉnh Long An
Chi nhánh Nghệ An	Số 28, Đường Trần Phú, Phường Hồng sơn, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Đồng Tháp	Số 154, Đường Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Đồng Nai	Số 32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Sơn La	Tiểu khu 3, Thị trấn Hát Lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Số 37, Đường Nguyễn Trung Ngạn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Văn Phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
Kho Hóc Môn	Số 49, Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Vietinbank).
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.2. Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính sáu tháng đầu năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.28.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho sáu tháng đầu năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.
- Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ trong thời gian 12 tháng.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 03 – 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 05 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 năm |

4.10. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 20 – 50 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Thuê hoạt động

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

- | | |
|---------------------------------------|----------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 17 – 30 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất có thời hạn | 48 – 50 năm |
| ▪ Quyền sử dụng đất không có thời hạn | Không khấu hao |

Khi thanh lý bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.15. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí chính sách bán hàng được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào các chính sách bán hàng.

4.17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

4.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty như sau: quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.22. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.26. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Giống cây trồng: không chịu thuế
- Thuốc nông dược: 5%
- Các dịch vụ khác: 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.27. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

4.28. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.004.782.955	193.004.782.955
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	19.162.425.783	15.724.732.587
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.437.693.196
Phải thu dài hạn khác	780.089.247	-
Tài sản dài hạn khác	-	780.089.247
Quỹ đầu tư phát triển	246.777.191.829	213.570.309.329
Quỹ dự phòng tài chính	-	33.206.882.500

Báo cáo kết quả kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	1.385.784.666.935	1.331.034.001.627
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	497.561.590.518	552.312.255.826
Chi phí bán hàng	276.224.599.065	330.251.400.012
Chi phí quản lý doanh nghiệp	81.298.761.140	82.022.625.502
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.096	7.683

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Năm trước (Được báo cáo lại)	VND Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.913.409.972.318	1.241.250.957.861
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.223.250.306.476)	(1.331.175.857.532)
Tiền chi trả cho người lao động	(152.264.963.594)	(152.353.963.594)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	491.346.234.268	1.770.675.725.612
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(774.162.976.553)	(1.310.522.265.532)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(42.356.478.416)	(4.731.929.012)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	223.695.628	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác"	(80.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11.893.450.462	11.893.786.507
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền trả nợ gốc vay	(864.891.571.514)	(864.893.315.138)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(33.796.730.900)	(33.992.813.950)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	2.157.250.501	7.869.903.087
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	85.788.491.717	35.134.879.868
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	167.945.742.218	113.004.782.955

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4 – 4,8%/tháng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 13	179.514.814.098	-	179.514.814.098	-	-
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	13.790.000.000	-	13.790.000.000	-	-
Cộng	193.304.814.098	-	193.304.814.098	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	2.249.390.000	1.158.300.000	2.249.390.000	1.008.150.000	

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Đối với khoản đầu tư còn lại là Công ty TNHH Hải Yến và Công ty Cổ phần Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nên không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thuyết minh trên báo cáo tài chính.

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Toàn bộ phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.4. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khách hàng liên quan đến việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	768.309.000	-	9.615.905.000	-
Ký cược, ký quỹ	391.323.440	-	462.792.027	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	334.011.595	-	1.291.927.144	-
Phải thu người lao động về thuế TNCN đã nộp hộ	5.840.107.190	-	1.662.853.935	-
Tạm ứng cho người lao động	4.102.184.492	-	2.974.901.169	-
Phải thu khác	2.243.526.252	-	3.154.046.508	-
Cộng	13.679.461.969	-	19.162.425.783	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	1.215.326.278	-	780.089.247	-

5.5. Nợ xấu

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	73.648.551.057	22.828.816.653	69.698.161.391	12.831.450.537

5.6. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	20.557.291.440	-	5.556.918.816	-
Nguyên liệu, vật liệu	138.089.234.823	-	119.453.785.387	(6.961.243.750)
Công cụ, dụng cụ	1.265.619.618	-	997.816.436	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.100.078.588	-	3.021.025.683	-
Thành phẩm	48.867.945.573	-	39.502.303.446	-
Hàng hóa	232.898.797.265	-	202.054.100.973	-
Cộng	445.778.967.307	-	370.585.950.741	(6.961.243.750)

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng hóa lập dự phòng đã được kiểm định là vẫn đảm bảo chất lượng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục						VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	25.441.079.812	9.254.090.267	76.637.574.554	3.724.537.193	122.880.500	115.180.162.326
Mua trong năm	-	1.486.675.000	3.065.280.908	-	-	4.551.955.908
Đầu tư XDCB hoàn thành	842.717.000	-	-	-	-	842.717.000
Thanh lý, nhượng bán	(782.452.169)	(168.000.000)	(2.921.822.112)	(72.544.237)	-	(3.944.818.518)
Giảm khác	-	-	-	(79.000.000)	-	(79.000.000)
Số dư cuối năm	25.501.344.643	10.572.765.267	76.781.033.350	3.572.992.956	122.880.500	116.551.016.716
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	15.015.552.080	7.582.641.963	47.968.923.706	2.996.441.566	94.005.499	73.657.564.814
Khấu hao trong năm	1.290.418.566	824.363.141	10.354.838.723	501.634.829	12.833.334	12.984.088.593
Thanh lý, nhượng bán	(782.452.169)	(22.400.000)	(2.921.822.112)	(72.544.237)	-	(3.799.218.518)
Giảm khác	-	-	-	(79.000.000)	-	(79.000.000)
Số dư cuối năm	15.523.518.477	8.384.605.104	55.401.940.317	3.346.532.158	106.838.833	82.763.434.889
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	10.425.527.732	1.671.448.304	28.668.650.848	728.095.627	28.875.001	41.522.597.512
Tại ngày cuối năm	9.977.826.166	2.188.160.163	21.379.093.033	226.460.798	16.041.667	33.787.581.827

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.035.903.656 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	63.884.969.716	3.452.392.500	67.337.362.216
Mua trong năm	-	270.000.000	270.000.000
Số dư cuối năm	63.884.969.716	3.722.392.500	67.607.362.216
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	3.083.405.472	1.507.678.124	4.591.083.596
Khấu hao trong năm	131.752.976	793.849.521	925.602.497
Số dư cuối năm	3.215.158.448	2.301.527.645	5.516.686.093
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	60.801.564.244	1.944.714.376	62.746.278.620
Tại ngày cuối năm	60.669.811.268	1.420.864.855	62.090.676.123

Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.120.806.844 VND.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	7.619.891.500	34.740.387.261	42.360.278.761
Tăng trong năm	11.787.968.564	1.238.960.000	13.026.928.564
Số dư cuối năm	19.407.860.064	35.979.347.261	55.387.207.325
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	10.256.395.678	10.256.395.678
Khấu hao trong năm	-	1.336.005.343	1.336.005.343
Số dư cuối năm	-	11.592.401.021	11.592.401.021
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	7.619.891.500	24.483.991.583	32.103.883.083
Tại ngày cuối năm	19.407.860.064	24.386.946.240	43.794.806.304

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị là 30.767.877.740 VND đang cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không khấu hao bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc với giá trị là 13.026.928.564 VND, chi tiết như sau:

- Thửa đất số 1187 tại Ấp An Trạch, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng diện tích 1164m² thuộc tờ bản đồ số 6;
- Thửa đất số 36 tại Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp diện tích 64m² thuộc tờ bản đồ số 26;
- Thửa đất số 305 tại Khóm Mỹ Thuận, Thị trấn Mỹ Thọ, Huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp diện tích 208m² thuộc tờ bản đồ số 6;
- Thửa đất số 27 tại Ấp Ninh Thạnh, Xã An Tức, Huyện Tri Tôn, An Giang diện tích 698,3m² thuộc bản đồ số 6;
- Thửa đất số 10 tại Ấp Ninh Thạnh, Xã An Tức, Huyện Tri Tôn, An Giang diện tích 3329m² thuộc tờ bản đồ số 6;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 133 tại Ấp Đồng cơ, Xã Vĩnh Phú, Huyện Giang Thành, Kiên Giang diện tích 11.915,4 m2 thuộc bản đồ số 08a;
- Quyền sử dụng đất tại Ấp Thanh An, Xã Thanh Lương, TX. Bình Long, Tỉnh Bình Phước diện tích 5.081m2;
- Quyền sử dụng đất tại Ấp Thanh An, Xã Thanh Lương, TX. Bình Long, Tỉnh Bình Phước diện tích 48.770m2;
- Thừa đất số 498 tại Xã Vĩnh Thạnh, H.Tân Hưng, Tỉnh Long An diện tích 11753m2 thuộc tờ bản đồ số 06;
- Thừa đất số 2,3 tại Thôn Vĩnh Diêm Trung, Xã Vĩnh Hiệp TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa diện tích 300m2 thuộc tờ bản đồ số 10.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư hiện Công ty chưa xác định được nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính.

5.10. Chi phí trả trước

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.055.469.317	1.120.397.166
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	981.676.004	758.590.082
Bảo hiểm tài sản	219.475.472	266.048.169
Chi phí trả trước khác	188.001.033	121.341.478
Cộng	2.444.621.826	2.266.376.895
	Cuối năm	VND Đầu năm
Dài hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.775.316.985	4.097.162.598
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	-	117.439.999
Bảo hiểm	-	10.636.271
Các khoản khác	100.550.573	800.853.436
Cộng	2.875.867.558	5.026.092.304

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	224.926.619.375	224.926.619.375	259.919.261.028	259.919.261.028	
Công ty Itochu Chemical Frontier Corporation	32.855.260.800	32.855.260.800	40.765.394.400	40.765.394.400	
Công ty Summit Agro International Ltd.	41.990.995.400	41.990.995.400	54.221.133.930	54.221.133.930	
Phải trả cho các đối tượng khác	58.103.645.437	58.103.645.437	37.431.064.382	37.431.064.382	
Cộng	357.876.521.012	357.876.521.012	392.336.853.740	392.336.853.740	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.12. Thuế và các khoản (phải thu), phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.288.234.875	216.098.750.458	215.584.906.423	-	1.802.078.910
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(6.079.633)	-	26.917.140.306	28.260.659.321	(1.349.598.648)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(6.566.293)	-	3.979.926.201	4.000.419.852	(27.059.944)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10.664.630.363	40.952.645.083	42.828.935.806	-	8.788.339.640
Thuế thu nhập cá nhân	-	663.478.495	19.299.806.012	9.144.243.334	-	10.819.041.173
Thuế môi trường	-	-	404.757.680	443.897.260	(39.139.580)	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	77.791.747	77.791.747	-	-
Các loại thuế khác	-	978.843.568	3.943.614.757	3.957.372.758	-	965.085.567
Cộng	(12.645.926)	13.595.187.301	311.674.432.244	304.298.226.501	(1.415.798.172)	22.374.545.290

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.13. Phải trả người lao động

Là lương bổ sung năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Chi phí bán hàng phải trả	22.794.108.403	46.260.135.330

5.15. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Tài sản thừa chờ giải quyết	96.285.490	-
Kinh phí công đoàn	739.434.081	547.021.196
Bảo hiểm xã hội	168.137.666	-
Bảo hiểm y tế	67.057.926	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.261.802	-
Cổ tức phải phải	58.081.475	139.269.900
Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	192.106.622	460.687.079
Khoản hỗ trợ từ NCC chi phí marketing, bán hàng	-	11.426.868.601
Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 9	116.500.000.000	116.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.434.076.663	1.904.881.317
Cộng	119.280.441.725	130.978.728.093
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.081.903.692	1.990.146.492
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 13	34.784.900.000	34.784.900.000
Cộng	36.866.803.692	36.775.046.492

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
				Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH		
Số dư đầu năm trước	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	187.285.913.495	32.431.882.500	15.790.760.573	131.641.873.092	570.007.668.252
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	101.541.976.527	101.541.976.527
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	(19.812.964.500)	(19.812.964.500)
Tạm chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(13.208.643.000)	(13.208.643.000)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	26.284.395.834	775.000.000	11.761.465.278	(38.820.861.112)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(21.027.516.667)	(21.027.516.667)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(4.388.965.947)	(4.388.965.947)
Số dư đầu năm nay	132.827.530.000	70.731.808.592	(702.100.000)	213.570.309.329	33.206.882.500	27.552.225.851	135.924.898.393	613.111.554.665
Phân loại lại	-	-	-	33.206.882.500	(33.206.882.500)	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	44.026.830.000	(43.967.830.000)	(59.000.000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	139.176.935.475	139.176.935.475
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	-	-	(19.812.964.500)	(19.812.964.500)
Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	-	(17.611.326.000)	(17.611.326.000)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.181.389.694)	(3.181.389.694)
Hoàn nhập trích quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	(15.231.296.479)	-	(5.077.098.826)	20.308.395.305	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.656.857.114)	(806.305.673)	(2.463.162.787)
Số dư cuối năm nay	176.854.360.000	26.763.978.592	(761.100.000)	231.545.895.350	-	25.818.269.911	248.998.243.306	709.219.647.159

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2015 của Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	176.854.360.000	132.827.530.000
Cổ phiếu quỹ	(761.100.000)	(702.100.000)
Cộng	176.093.260.000	132.125.430.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	132.827.530.000	132.827.530.000
Vốn góp tăng trong năm	44.026.830.000	-
Vốn góp cuối năm	176.854.360.000	132.827.530.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(37.424.290.500)	(33.021.607.500)

5.16.4. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	17.685.436	13.282.753
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	17.685.436	13.282.753
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	76.110	74.110
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	17.609.326	13.208.643

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.5. Cổ tức chi trả sau niên độ

Công ty đã đăng ký tạm ứng chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ thực hiện là 10%/mệnh giá sẽ được thanh toán vào ngày 28 tháng 01 năm 2016 theo Thông báo số 1263/TB-SGDHCM ngày 31 tháng 12 năm 2015.

5.16.6. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	139.176.935.475	101.541.976.527
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(13.917.693.548)	(21.027.516.667)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.043.247	13.208.643
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	8.362	6.096

5.16.7. Các quỹ của doanh nghiệp

	VND	
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	246.777.191.829	27.552.225.851
Trích trong năm	-	5.000.000.000
Chi trong năm	-	(1.656.857.114)
Hoàn nhập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(15.231.296.479)	(5.077.098.826)
Số dư cuối năm	231.545.895.350	25.818.269.911

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ:		
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	54.121.503.598	17.415.115.366
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	170.517,33	101.808,27
JPY	361.000,00	-
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	9.688.324.959	427.002.952

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.140.500.374.391	1.109.322.988.625
Doanh thu bán thành phẩm	687.789.474.660	532.365.296.037
Doanh thu cung cấp dịch vụ	278.242.203.976	252.833.666.796
Cộng	<u>2.106.532.053.027</u>	<u>1.894.521.951.458</u>

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	74.579.916.636	2.250.366.605
Hàng bán bị trả lại	11.976.804.000	8.925.327.400
Cộng	<u>86.556.720.636</u>	<u>11.175.694.005</u>

6.3. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	881.873.816.370	886.106.090.720
Giá vốn của thành phẩm đã bán	441.057.441.711	323.128.039.911
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	172.318.109.400	172.268.169.451
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.961.243.750)	4.282.366.853
Cộng	<u>1.488.288.123.731</u>	<u>1.385.784.666.935</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	11.042.576.213	11.173.786.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	228.800.000	720.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, nhận chiết khấu thanh toán	5.488.534.428	733.650.417
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	878.308.210	339.812.669
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151.525	432.887
Cộng	17.638.370.376	12.967.682.480

6.5. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	5.280.641.875	6.580.210.953
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	7.043.757.540	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.185.238.883	1.425.463.533
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	609.962.397	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	917.316.286
(Hoàn nhập)Dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác	(150.150.000)	(8.115.070.240)
Chi phí tài chính khác	-	40.000
Cộng	16.969.450.695	807.960.532

6.6. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	167.404.729.073	118.449.737.267
Các khoản chi phí bán hàng khác	127.389.590.693	157.774.861.798
Cộng	294.794.319.766	276.224.599.065

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	26.848.102.923	35.251.360.294
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	2.781.530.650	26.536.869.095
Các khoản chi phí QLDN khác	28.732.120.172	19.510.531.751
Cộng	58.361.753.745	81.298.761.140

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	179.690.268.149	147.737.483.690
Cộng: các khoản điều chỉnh tăng	4.690.044.006	59.252.866.942
Trừ: các khoản điều chỉnh giảm	(228.800.000)	(720.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>184.151.512.155</u>	<u>206.270.350.632</u>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	40.513.332.674	45.379.477.139
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước	-	816.030.024
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>40.513.332.674</u>	<u>46.195.507.163</u>

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.421.966.531.941	1.251.022.469.083
Chi phí nhân công	259.759.288.972	203.638.566.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.245.696.433	16.294.447.063
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.920.313.802	49.990.883.337
Chi phí khác bằng tiền	240.124.254.474	170.907.663.010
Chi phí dự phòng	2.781.530.650	23.621.481.995
Cộng	<u>1.961.797.616.272</u>	<u>1.715.475.511.087</u>

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	645.105.328.620

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	645.105.328.620

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Tây Nguyên
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	ĐVT: triệu đồng									
Doanh thu thuần từ bán hàng										
Từ khách hàng bên ngoài	201.302	248.214	151.392	141.040	124.911	102.717	1.542.370	1.391.375	2.019.975	1.883.346
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	201.302	248.214	151.392	141.040	124.911	102.717	1.542.370	1.391.375	2.019.975	1.883.346
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	39.981	60.217	44.506	45.510	25.331	23.064	421.869	368.770	531.687	497.561
Chi phí không phân bổ									353.156	357.523
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									179.021	135.578
Thu nhập tài chính									17.638	12.968
Chi phí tài chính									16.969	808
Lợi nhuận trước thuế									179.690	147.737
Thuế TNDN hiện hành									40.513	46.196
Lợi nhuận sau thuế									139.177	101.542
Các thông tin khác										
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	154.148	174.461	102.108	160.325	103.711	73.435	935.668	881.455	1.295.635	1.289.676
Tài sản không phân bổ									-	-
Tổng tài sản									1.295.635	1.289.676
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả của bộ phận	64	(304)	600	149	181	72	585.570	676.648	586.415	676.565
Nợ phải trả không phân bổ									-	-
Tổng nợ phải trả									586.415	676.565
	<u>Miền Bắc</u>		<u>Miền Trung</u>		<u>Tây Nguyên</u>		<u>Miền Nam</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	1.350	1.391	748	1.120	600	-	2.696	2.305	5.395	4.816
Chi phí khấu hao	7.742	6.764	8.257	7.293	1.909	1.841	79.089	72.606	96.997	88.505



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là hàng nông dược, nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận, do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông
2. Công ty TNHH Hải Yến
3. Bà Nguyễn Bạch Tuyết
4. Ông Trương Công Cứ

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên doanh
Chủ tịch HĐQT và Phó Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc và Phó Chủ tịch HĐQT

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả:		
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 5.15	116.500.000.000	116.500.000.000

Đây là khoản tiền tạm mượn để bổ sung vốn lưu động và không chịu lãi suất.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý	17.536.558.900	9.115.245.432

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ VÀ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động:

Công ty thuê kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.650.151.363	2.423.023.636

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.104.298.636	2.003.630.909
Trên 1 năm đến 5 năm	3.207.832.727	2.526.000.000
Cộng	5.312.131.363	4.529.630.909

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Cho thuê hoạt động:

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu thuê văn phòng ghi nhận trong năm	9.572.415.740	9.476.352.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.141.127.070	7.601.136.422
Trên 1 năm đến 5 năm	14.143.971.672	4.842.173.961
Cộng	<u>18.285.098.742</u>	<u>12.443.310.383</u>

11. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	167.945.742.218	113.004.782.955
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.158.200.922	376.778.068.807
Đầu tư dài hạn	1.158.300.000	1.008.150.000
Cộng	497.262.243.140	490.791.001.762
Công nợ tài chính:		
Phải trả người bán và phải trả khác	512.927.589.464	546.845.086.292
Chi phí phải trả	22.794.108.403	46.260.135.330
Cộng	535.721.697.867	593.105.221.622

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	167.945.742.218	113.004.782.955
Phải thu khách hàng và phải thu khác	328.158.200.922	376.778.068.807
Cộng	496.103.943.140	489.782.851.762

Công ty không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu. Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng:

	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	476.060.785.772	22.794.108.403	498.854.894.175
Từ 1 – 3 năm	36.866.803.692	-	36.866.803.692
Số dư ngày 31/12/2015	512.927.589.464	22.794.108.403	535.721.697.867

	Nợ phải trả	Chi phí phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	510.070.039.800	46.260.135.330	556.330.175.130
Từ 1 – 3 năm	36.775.046.492	-	36.775.046.492
Số dư ngày 01/01/2015	546.845.086.292	46.260.135.330	593.105.221.622

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro về USD do doanh thu bán hàng tại Cambodia có giá trị lớn. Về vấn đề này, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và lập kế hoạch mua và bán hàng hoá bằng ngoại tệ trong tương lai ngoài ra Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại	Tiền và tương đương tiền	Cộng
Số dư 31/12/2015			
Yên Nhật (JPY)	-	361.000,00	361.000,00
Đô la Mỹ (USD)	984.751,72	170.517,33	1.155.269,05
Số dư 01/01/2015			
Đô la Mỹ (USD)	-	101.808,27	101.808,27

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

Số dư 31/12/2015	Phải trả thương mại
Đô la Mỹ (USD)	5.439.226,94
Số dư 01/01/2015	
Đô la Mỹ (USD)	11.436.539,16

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 9.666.438.506 VND (2014: 24.081.769.249 VND).

Một khoản tăng/ giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Yên Nhật sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 6.712.795 VND (2014: 0 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối niên độ không phản ánh rủi ro trong suốt niên độ. Trên thực tế, doanh thu bán hàng có gốc VND có tính thời vụ với một khối lượng bán thấp hơn vào quý sau cùng, đưa đến khoản phải thu bằng VND thấp hơn vào cuối niên độ.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

13. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 01 tháng 7 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại Số 64, Đường Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên – Xem thêm mục 5.2 và mục 5.15.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

14. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 3 năm 2016.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ NGỌC PHƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN NGỌC DUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯƠNG CÔNG CỨ